

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2022/DS-ST

Ngày: 14/9/2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Dự

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Lập Tiến

- Ông Đoàn Văn Thống

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2022/TLST- DS ngày 24 tháng 3 năm 2022, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2022/QĐXXST-DS ngày 28/7/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 177/2022/QĐST-DS ngày 16/8/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 219/2022/QĐST-DS ngày 31/8/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Võ Thị Kim T

Địa chỉ: thôn x, xã CE, thành phố B, Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Minh Y (có mặt)

Địa chỉ: NXN, thành phố B, Đắk Lắk

*** Bị đơn:** Bà Trần Thị H (có mặt)

Địa chỉ: PVD, thành phố B, Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 31/7/2020 bà Võ Thị Kim T có cho bà Trần Thị H vay số tiền là 400.000.000 đồng với lãi suất là 1% /tháng và thống nhất khi nào bà T cần sẽ báo trước cho bà H 01 tháng để bà H trả lại cho bà T số tiền trên, tuy nhiên từ cuối tháng 09/2020 tới nay bà T đã nhiều lần yêu cầu bà H trả số tiền trên nhưng bà H luôn né tránh và do cần tiền làm ăn và lo cho gia đình nên bà T rơi vào khó khăn phải vay mượn nhiều nơi để bù vào phần cho bà H vay trước đó.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền 400.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất tính đến ngày 11/3/2022 là 80.000.000 đồng.

*** Bị đơn bà Trần Thị H trình bày:**

Tôi và bà Võ Thị Kim T là người quen biết với nhau. Trước đây có vay của bà T số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 9.000.000 đồng/tháng. Về thời gian vay tiền thì lâu quá rồi nên tôi không nhớ rõ. Cùng thời gian tôi và bà T có chơi huê hụi với nhau, tôi nợ bà T số tiền 90.000.000 đồng tiền huê. Sau đó thì bà T đi chấp hành án tù thời gian 1 năm. Sau đó ngày 31/7/2020 sau khi chấp hành án xong thì bà T gọi tôi đến nhà bà, sau khi cộng tiền gốc và lãi đối với số tiền tôi nợ bà thì bà T đưa thêm cho tôi số tiền 8.000.000 đồng và yêu cầu tôi ký vào giấy vay tiền ngày 31/7/2020 với số tiền 400.000.000 đồng. Lý do bà T đưa tôi thêm số tiền 8.000.000 đồng là do bà T nói đưa tôi số tiền này để đủ số tiền tôi nợ bà là 400.000.000 đồng. Thực tế giấy vay tiền ngày 31/7/2020 là giấy viết lại các khoản nợ chứ không phải tôi vay 400.000.000 đồng, chữ Trần Thị H tại mục người vay tiền ký tên là do tôi viết.

Tôi không thể chấp tài sản gì cho bà Võ Thị Kim T để vay tiền, mục đích vay tiền là để sử dụng vào mục đích cá nhân của tôi, không sử dụng cho gia đình. Tôi và chồng tôi là ông Nguyễn Hoài N đã sống ly thân với nhau khoảng 9 năm nay.

Nay bà Võ Thị Kim T khởi kiện để yêu cầu tôi thanh toán số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và 80.000.000 đồng tiền lãi. Thì ý kiến của tôi như sau: Tôi đề nghị được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi trả hết nợ.

* Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 400.000.000 đồng tiền gốc và lãi tính theo lãi suất ngân hàng từ ngày vay đến nay là 80.000.000 đồng. Bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo giấy vay tiền đề ngày 31/7/2020 thì bà Võ Thị Kim T cho bà Trần Thị H vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn trả khi nào bà T cần lấy số tiền trên thì báo trước thời hạn 10 ngày.

Quá trình giải quyết vụ án bà H cho rằng số tiền 400.000.000 đồng này là tổng của số tiền bà vay của bà H là 150.000.000 đồng, tiền nợ huê hụi 90.000.000 đồng và lãi suất, sau đó bà nhận thêm 8.000.000 đồng từ bà T. Tuy nhiên bà không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh cho lời trình bày của mình. Như vậy đã có đủ căn cứ để khẳng định nguyên đơn bà Võ Thị Kim T và bị đơn bà Trần Thị H đã thực hiện hợp đồng vay tài sản với nhau theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Theo nội dung giấy thỏa thuận vay tiền ngày 31/7/2020, thì các bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là khi nào bà T cần tiền thì báo trước cho bà H, tuy nhiên bà T đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà H không trả số tiền trên cho bà T là vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự về nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà H đề nghị mỗi tháng trả 1.000.000 đồng tiền gốc cho đến khi trả xong tiền gốc tuy nhiên người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với ý kiến này của bà H.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim T là phù hợp với quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận buộc bị đơn bà Trần Thị H phải trả cho nguyên đơn bà Võ Thị Kim T số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng.

Về lãi suất: Trong hợp đồng vay tiền các bên có thỏa thuận lãi suất tuy nhiên, mức lãi suất này vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS và các bên có tranh chấp về lãi suất nên cần căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất từ chậm trả, cụ thể: $400.000.000 \text{ đồng} \times 10\% / \text{năm} \times 2 \text{ năm} 01 \text{ tháng} 12 \text{ ngày} = 87.984.000 \text{ đồng}$.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1; khoản 5 Điều 26; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, cụ thể: $20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times (483.320.000 - 400.000.000 \text{ đồng}) = 23.519.360 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kim T

Buộc bà Trần Thị H phải trả cho bà Võ Thị Kim T số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi 87.984.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà Trần Thị H phải chịu 23.519.360 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Võ Thị Kim T số tiền 11.600.000 đồng bà đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0012473 ngày 18/3/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP BMT;
- Chi cục THA DS TP BMT;
- Các đương sự ;
- Lưu: HS, VP .

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Văn Dự

